

Bản án số: 16/2026/HS-ST.
Ngày: 30/03/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Thịnh - Kiểm sát viên trung cấp và ông Nguyễn Trác D - Kiểm sát viên sơ cấp.

Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Bà Phùng Thị M - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng; điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2026/QĐXXST-HS ngày 13/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T1, sinh ngày: 22/04/1993 tại xã L, thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số: 030093001669 cấp ngày 24 tháng 10 năm 2022; nơi cấp: Cục C1- Bộ C2; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở: thôn Q, xã L, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn T2, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1962; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/9/2012, Trần Văn T1 phạm tội: “Đánh bạc” (tổng số tiền đánh bạc là

10.415.000 đồng). Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2013/HSST ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng), xử phạt Trần Văn T1 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Đánh bạc”, bị cáo đã được xoá án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/8/2025 đến ngày 21/8/2025; chuyển tạm giam từ ngày 21/8/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam T, thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn C, sinh ngày: 19/07/1993 tại xã L, thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số: 030093006769 cấp ngày 09 tháng 08 năm 2021; nơi cấp: Cục C1- Bộ C2; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Phạm Văn T3, sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1968; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/8/2025 đến ngày 21/8/2025; chuyển tạm giam từ ngày 21/8/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đào Ngọc H, sinh ngày: 26/06/1996 tại thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân số: 031096002052 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021; nơi cấp: Cục C1- Bộ C2; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở: số C P, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Đào Ngọc H1, sinh năm: 1971 và bà Trịnh Thị Thanh N, sinh năm: 1974; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ, con: chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/8/2025 đến ngày 02/9/2025; chuyển tạm giam từ ngày 02/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: xóm A, thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trịnh Thị Thanh N, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: số C P, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Người làm chứng:

1. Anh Trần Tiến A, sinh năm: 2000.

2. Anh Phạm Hữu H2, sinh năm: 1988.

3. Anh Phạm Văn H3, sinh năm: 1999.

4. Anh Phạm Tuấn A1, sinh năm: 2008.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T1 và Phạm Văn C là bạn quen biết xã hội và cùng làm chung công ty. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 14/8/2025, C và T1 ngồi uống bia tại quán "Xinh Thoảng" ở thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng. Trong lúc ngồi uống bia, do T1 có nhu cầu muốn sử dụng ma túy dạng kẹo nên đã nhắn tin qua phần mềm Zalo cho C với nội dung: "*Giờ có lấy được tý đồ không? Anh em mình chơi*", mục đích hỏi C có mua được ma túy để sử dụng không. C nhắn tin trả lời: "*Đồ có, mày cứ thiết kế phòng hát*". Ý C nói T1 cứ chuẩn bị phòng hát karaoke để sử dụng ma túy còn C sẽ chuẩn bị ma túy. Cả hai người cùng đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu CPI, biển kiểm soát 34F8-0789 chở T1 đến quán K1, địa chỉ tại thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng. Tại đây, T1 hỏi nhân viên Lễ tân thuê 01 phòng hát và được sắp xếp phòng hát VIP 1. Trong lúc ngồi hát, T1 bảo C đi mua ma túy.

Khoảng 21 giờ 00' cùng ngày, C sử dụng tài khoản Zalo tên "*Cường K*" liên lạc với tài khoản Z tên "*Du*" của Đào Ngọc H để hỏi mua 01 chỉ ma túy tổng hợp dạng ke (*Ketamine*) và 02 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo (*MDMA*) với giá 2.400.000 đồng. H đồng ý và gửi mã thanh toán QR của số tài khoản 7979260696 ngân hàng T4 của mình để C chuyển tiền. Sau đó, C sử dụng tài khoản ngân hàng V số 105881793224 của mình chuyển cho H số tiền 1.200.000 đồng. Do không còn tiền trong tài khoản, C đi ra quây lễ tân nhờ anh Phạm Hữu H2, sinh năm: 1988, trú tại: thôn A, xã N, thành phố Hải Phòng, là chủ quán Karaoke D1, nhờ chuyển vào tài khoản của C số tiền 1.200.000 đồng. Khi nhận được tiền, C đưa tiền mặt trả anh H2 rồi C tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển số tiền 1.200.000 đồng cho H qua số tài khoản. Sau khi nhận được tiền, H liên lạc với tài khoản Z tên "*Tien A2*" để mua 01 chỉ ma túy dạng ke (*Ketamine*) và 02 viên ma túy dạng kẹo (*MDMA*) như trên với giá 1.800.000 đồng. Sau đó, H chuyển số tiền trên vào tài khoản ngân hàng T4 số 4397955555, tên chủ tài khoản là TRAN TIEN ANH rồi thỏa thuận nhận ma túy tại khu vực đường T, gần Cầu R. Sau đó, H liên lạc với anh Phạm Văn H3, sinh năm 1999, trú tại: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng, là bạn quen biết xã hội, đang bán hàng rau củ tại chợ Đ, thành phố Hải Phòng. H hỏi H3 nếu có về xã L thì cho H đi nhờ về gặp C để đòi điện thoại. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H3 và em trai là Phạm Tuấn A1, sinh năm 2008, cùng điều khiển xe ô tô biển số 34B-089.50 đến đón H tại nhà và cùng đi về xã L. Khi đi được khoảng 03 km, do buồn ngủ nên H3 bảo H sang điều khiển xe, còn H3, Tuấn A1 ngủ trên cabin xe. Đến khoảng 23 giờ 00' cùng ngày, H điều khiển xe ô tô đến trước cửa quán K1 theo định vị C gửi. H xuống xe ô tô và gọi điện thoại cho C. Tại đây, H đưa cho C 01 túi ma túy tổng hợp dạng Ke và 02 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo. Sau đó, H, H3 và Tuấn A1 đi về. C cầm số ma túy vừa mua được đi vào phòng hát VIP 1 quán D2 thì làm rơi 01 gói ma túy tổng hợp dạng Ke.

Tại phòng VIP 1, C lấy 01 viên ma túy kẹo, bẻ đôi rồi đưa cho T1 nửa viên. Sau đó, T1 và C cùng sử dụng ma túy kẹo bằng hình thức nuốt trực tiếp. Đối với 01 viên ma túy kẹo còn lại, T1 đặt trên mặt bàn trong phòng hát để tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 15/08/2025, trong khi T1, C đang hát, nghe nhạc và sử dụng ma túy trong phòng VIP 1 quán K1 thì bị lực lượng Công an xã L phát hiện bắt quả tang, thu giữ:

- Trên mặt bàn phòng hát VIP 1: 01 túi nilon dạng kẹp zip màu trắng, kích thước khoảng (1x2)cm, bên trong túi có 01 viên nén màu nâu hình lục giác, một mặt viên nén có chữ “qp”, được niêm phong ký hiệu M. Phạm Văn C và Trần Văn T1 tự khai là ma túy tổng hợp dạng kẹo, để trên mặt bàn đang tiếp tục sử dụng.

- Thu giữ của Trần Văn T1: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đen trắng, điện thoại bị vỡ màn hình, điện thoại đã qua sử dụng, được lắp sim số 0373793880.

- Thu giữ của Phạm Văn C: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, màu xanh đen, đã qua sử dụng, lắp sim số 0877357371; 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI màu sơn Nâu; gắn biển kiểm soát: 34F8-0789; số máy: 00016451; số khung: 2108818, cùng giấy đăng ký xe số A0024106.

- Bà Trịnh Thị Thanh N, sinh năm: 1974, trú tại: Số C P, phường Đ, thành phố Hải Phòng, là mẹ đẻ của bị cáo Đào Ngọc H, được bị cáo tác động nên tự nguyện nộp thay bị cáo H số tiền 2.400.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng, là tiền bán ma túy mà có để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số: 764/KL-KTHS ngày 17/8/2025 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: Viên nén màu nâu hình lục giác, một mặt viên nén có chữ “qp” trong túi nilon màu trắng của mẫu M gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,374gam, loại: MDMA, Methamphetamine.

Tại các Phiếu kết quả ngày 15/8/2025 về xét nghiệm ma túy trong nước tiểu, xác định: Trần Văn T1 và Phạm Văn C đều dương tính với ma túy Methamphetamine và MDMA.

Ngày 27/08/2025, Đào Ngọc H đã đến Công an xã L đầu thú, khai nhận hành vi bán ma túy cho Phạm Văn C vào ngày 14/8/2025. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với H xác định: Đào Ngọc H dương tính với ma túy MDMA và KET. H khai nhận dương tính với ma túy là do ngày 26/08/2025, H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà. Đào Ngọc H tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI8, lắp sim số 0823.038.896.

Vật chứng của vụ án: Mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,300 gam ma túy loại MDMA, Methamphetamine, vỏ bao gói của mẫu M được niêm

phong lại trong một bì giấy, được đóng dấu niêm phong số: 764MT/PC09; 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đen trắng, lắp sim số 0373793880; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, màu xanh đen, lắp sim số 0877357371 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI8, lắp sim số 0823.038.896; 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI màu sơn nâu; gắn biển kiểm soát: 34F8-0789; cùng giấy đăng ký xe số A0024106.

Những vật chứng trên, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang quản lý tại Kho vật chứng của Công an thành phố H cần chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự 11- Hải Phòng để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản Kết luận giám định nêu trên. Bị cáo T1 và C đều xác định hai bị cáo đang tiếp tục sử dụng viên ma túy tổng hợp loại MDMA còn lại thì bị phát hiện, đồng thời hai bị cáo cũng khẳng định sẽ sử dụng hết 02 viên ma túy tổng hợp loại MDMA đã mua. Đối với 03 chiếc sim điện thoại trên, các bị cáo không đề nghị nhận lại mà đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Ông Phạm Văn T3 trình bày ông là chủ sở hữu chiếc xe máy biển kiểm soát 34F8-0789. Ông T3 cho bị cáo C mượn xe nhưng không biết C sử dụng làm phương tiện đi đến nơi sử dụng ma túy và có nguyện vọng được nhận lại chiếc xe làm phương tiện đi lại.

Bà Trịnh Thị Thanh N (mẹ đẻ bị cáo H) xác định số tiền 2,4 triệu đồng là tiền của riêng của bà mà không phải tiền chung của bà với chồng bà là ông Đào Ngọc H1, bị cáo H đã tác động bà nộp lại số tiền này sung quỹ Nhà nước, bà đã nộp lại số tiền này cho bị cáo H tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng, bà tự nguyện cho bị cáo H số tiền này, không yêu cầu bị cáo H phải trả lại cho bà.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKSKV11 ngày 28 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Văn T1, Phạm Văn C về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố bị cáo Đào Ngọc H về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T1 và Phạm Văn C phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 255 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T1 và Phạm Văn C; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T1 từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2025.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn C từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2025.

Tuyên bố: bị cáo Đào Ngọc H phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 251 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc H.

Xử phạt: bị cáo Đào Ngọc H từ 03 năm 02 tháng đến 03 năm 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2025.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu huỷ mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,300 gam ma túy loại MDMA, Methamphetamine, vỏ bao gói của mẫu M được niêm phong trong một bì giấy, được đóng dấu niêm phong số: 764MT/PC09. Tịch thu phát mại, nộp ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đen trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI8, điện thoại màu đen, cũ đã qua sử dụng; tịch thu tiêu huỷ 03 sim điện thoại số 0373793880, số H và số 0823.038.896. Trả lại ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1954; địa chỉ: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI màu sơn nâu; gắn biển kiểm soát: 34F8-0789 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô số A0024106 (có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng ngày 03/02/2026). Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền do bán trái phép chất ma túy của Đào Ngọc H đang tạm gửi tại tài khoản của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng theo Biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/26E số: 0000397 ngày 28/01/2026 mà người nộp tiền là Đào Ngọc H (do bà Trịnh Thị Thanh N nộp thay).

Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, buộc các bị cáo Trần Văn T1, Phạm Văn C và Đào Ngọc H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, biên bản đầu thú, giải trình nội dung tin nhắn điện thoại, giao dịch chuyển tiền, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai, kết quả xét nghiệm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 14/8/2025, tại khu vực trước cửa quán K1, có địa chỉ tại thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng, Đào Ngọc H có hành vi bán trái phép cho Phạm Văn C 01 túi ma túy tổng hợp loại Ketamin và 02 viên ma túy tổng hợp loại MDMA với giá 2.400.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 00 phút ngày 14/8/2025 đến 00 giờ 10 phút ngày 15/8/2025, tại phòng hát VIP A, quán K1, Phạm Văn C và Trần Văn T1 có hành vi tổ chức cho nhau cùng sử dụng trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an xã L, thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang, thu giữ: trên mặt bàn phòng hát 01 Viên nén màu nâu hình lục giác, một mặt viên nén có chữ “qp” trong túi nilon màu trắng là ma túy loại: MDMA, Methamphetamine, có khối lượng 0,374gam, T1 và C đang tiếp tục sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của các bị cáo T1 và C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T1, Phạm Văn C và Đào Ngọc H là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo T1 và C xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo H xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về việc trao đổi chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Ma túy không những hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác trong xã hội, tiềm ẩn những hậu quả khôn lường đến trật tự trị an trong toàn xã hội. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, giúp các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Trần Văn T1 có nhân thân xấu, ngày 10/9/2012, bị cáo phạm tội: “*Đánh bạc*”, bị Tòa án quận D, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng Cải tạo không giam giữ, đến nay đã được xóa án tích. Còn bị cáo Phạm Văn C và Đào Ngọc H đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, bị cáo Trần Văn T1 và Phạm Văn C là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, vai trò của hai bị cáo ngang nhau, trong đó, bị cáo T1 là người thực hành tích cực, là người đề xuất rủ rê và bỏ tiền thuê phòng hát làm nơi sử dụng ma túy nhưng có nhân thân xấu hơn bị cáo C nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C. Bị cáo C là người bỏ tiền mua ma túy để cả 02 cùng sử dụng nhưng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên có mức hình phạt thấp hơn bị cáo T1. Trong vụ án: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Đào Ngọc H chịu trách nhiệm hình sự độc lập. Các bị cáo T1, C và H đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T1, C, H đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo C được khen thưởng hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H sau khi phạm tội đã tự giác đầu thú; đã tác động gia đình nộp lại số tiền 2,4 triệu đồng do bán ma túy mà có; bị cáo H còn tự nguyện làm đơn nhập ngũ, có thời gian được rèn luyện trong quân đội và hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; có hồ sơ bệnh án về thận và khớp háng, sức khỏe kém; vì vậy, bị cáo H còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần cân nhắc mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà từng bị cáo được hưởng để đảm bảo quyền lợi cho mỗi bị cáo và đảm bảo sự công bằng của pháp luật. Mặc dù, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng Hội đồng xét xử thấy vẫn cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly

các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Đào Ngọc H khai: bị cáo mua của Trần Tiến A, sinh năm: 2000, trú tại: Tổ dân phố số H, phường A, thành phố Hải Phòng. Quá trình điều tra xác định, Tiến A có quen biết H từ trước do cùng là lái xe taxi. Tiến A trình bày: ngày 14/8/2025, Tiến A không bán ma túy cho Đào Ngọc H mà vào ngày này, Tiến A có nhận của H số tiền 1.800.000 đồng qua tài khoản nhưng là tiền trả nợ. Tiến hành đối chất giữa bị cáo H và Tiến A, Tiến A không thừa nhận hành vi bán ma túy cho H và cũng không có đủ căn cứ xác định Tiến A đã bán ma túy cho H nên không đủ căn cứ xử lý đối với Trần Tiến A.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đào Ngọc H vào ngày 26/08/2025, qua điều tra xác định: H không thuộc những trường hợp quy định tại điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự nên không cấu thành tội: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, Công an xã L, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H theo quy định là phù hợp pháp luật.

- Đối với anh Phạm Văn H3 và Phạm Tuấn A1, anh H3 là người cho H đi nhờ xe tải, anh H3 và anh Tuấn A1 đều không biết việc H mang theo ma túy để bán cho C, vì vậy, không đặt vấn đề xử lý đối với anh H3 và Tuấn A1.

- Đối với ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1954, trú tại: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng, là bố đẻ của bị cáo Phạm Văn C, ông T3 là chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 34F8-0789. Chiếc xe này ông mua lại từ ông Trần Văn H4, sinh năm: 1950; địa chỉ: thôn Đ, xã N, thành phố Hải Phòng vào cuối tháng 7/2025. Ông T3 cho C mượn xe nhưng không biết C sử dụng làm phương tiện đi đến nơi sử dụng ma túy. Vì vậy, không đặt vấn đề xử lý đối với ông T3.

- Đối với anh Phạm Hữu H2 là chủ quán K3, anh H2 được C nhờ chuyển số tiền 1.200.000 đồng đến tài khoản của C nhưng không biết C sử dụng số tiền trên để mua ma túy. Khi phát hiện các bị cáo có nghi vấn sử dụng chất ma túy, anh H2 đã kịp thời báo Công an xã L để kiểm tra, xử lý. Vì vậy, không đặt vấn đề xử lý đối với anh H2.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trần Văn T1, Phạm Văn C và Đào Ngọc H đều là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa xác định: Đối với số tiền 2,4 triệu đồng là tiền của riêng bà Trịnh Thị Thanh N (mẹ đẻ bị cáo H) mà không phải tiền chung của bà với chồng bà là ông Đào Ngọc H1, bị cáo H đã tác động bà N nộp lại số tiền này sung quỹ Nhà nước, bà N đã nộp lại số tiền này cho bị cáo H

tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng và bà N tự nguyện cho bị cáo H số tiền này, bà xác định bị cáo H là con bà có bệnh tật, sức khoẻ kém, không yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền này nên không đặt ra giải quyết. Số tiền 2,4 triệu đồng này do bị cáo Đào Ngọc H bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,300 gam ma túy loại MDMA, Methamphetamine là vật nhà nước cấm lưu hành, vỏ bao gói của mẫu M được niêm phong lại trong một bì giấy, được đóng dấu niêm phong số: 764MT/PC09 không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu cho tiêu huỷ; Đối với 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đen trắng, lắp sim số 0373793880; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, màu xanh đen, lắp sim số 0877357371 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI8, lắp sim số 0823.038.896 là điện thoại mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu, phát mai sung quỹ Nhà nước; Đối với 03 chiếc sim điện thoại, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, các bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu huỷ; Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI màu sơn nâu; gắn biển kiểm soát: 34F8-0789; cùng giấy đăng ký xe số A0024106 của ông Phạm Văn T3. Ông T3 là chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 34F8-0789. Ông T3 cho C mượn xe nhưng không biết C sử dụng làm phương tiện đi đến nơi sử dụng ma túy, chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án nên trả lại cho ông T3 theo quy định.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 255 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T1 và Phạm Văn C; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 251 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc H.

Căn cứ: điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T1 và Phạm Văn C phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố: bị cáo Đào Ngọc H phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/08/2025.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn C 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/08/2025.

Xử phạt: bị cáo Đào Ngọc H 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/08/2025.

2. Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 0,300 gam ma túy loại MDMA, Methamphetamine, vỏ bao gói của mẫu M được niêm phong trong một bì giấy, được đóng dấu niêm phong số: 764MT/PC09. Tịch thu phát mại, nộp ngân sách Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 màu đen trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, màn hình bị vỡ; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20, màu xanh đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI8, điện thoại màu đen, cũ đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại số 0373793880; số 0877357371 và số 0823038896. Trả lại ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1954; địa chỉ: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI màu sơn nâu; gắn biển kiểm soát: 34F8-0789 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô số A0024106 (có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng ngày 03/02/2026). Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền do bán trái phép chất ma túy của Đào Ngọc H đang tạm gửi tại tài khoản của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng theo Biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/26E số: 0000397 ngày 28/01/2026 mà người nộp tiền là Đào Ngọc H (do bà Trịnh Thị Thanh N nộp thay).

3. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T1, Phạm Văn C và Đào Ngọc H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT CA TP.Hải Phòng;
- Cơ quan THA hình sự CA TP.Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 2 và Phân trại tạm giam
Tứ Kỳ Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA TP.Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP.Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

